



PHÁT TRIỂN NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Công tác xã hội (CTXH) là một nghề còn khá mới ở Việt Nam. Trước năm 1975, nghề CTXH đã được biết đến ở Miền Nam Việt Nam. Khi đó, có một số trường đào tạo cử nhân CTXH và họ đã hoạt động như những nhân viên CTXH chuyên nghiệp ở Sài Gòn. Nhưng hoạt động này bị dừng lại và đến những năm 1997, những người làm CTXH ở Việt Nam với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế mới bắt đầu tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày CTXH thế giới vào ngày 10-11 tháng 11 hàng năm và đến năm 2007, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội mới chính thức tham gia tổ chức kỉ niệm ngày CTXH. Trước đó, năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành mã ngành đào tạo, đây là những dấu hiệu để tiến tới công nhận CTXH như một nghề chuyên nghiệp ở Việt Nam.

Tháng 3 năm 2010, Chính phủ đã phê duyệt đề án phát triển nghề CTXH, đánh dấu mốc quan trọng cho việc phát triển toàn diện của nghề CTXH ở Việt Nam trên các phương diện phát triển hệ thống an sinh xã hội, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực và cung cấp các dịch vụ CTXH chuyên nghiệp.

1. Những vấn đề của an sinh xã hội Việt Nam hiện nay

Việt Nam đang được đánh giá là một quốc gia có mức tăng trưởng kinh tế đầy ấn tượng với tốc độ tăng trưởng GDP từ 4,8% năm 1999 lên tới 7.08% năm 2002 và trên 8% các năm 2007, 2008 và năm 2009 là 5,2% (cao nhất trong các nước tại khu vực Đông Nam Á). Tăng trưởng kinh tế kết hợp với kiểm chế tốc độ gia tăng dân số đã giúp cải thiện đáng kể thu nhập bình quân đầu người hàng năm (từ 440 đô la Mỹ năm 2002 lên 835 đô la Mỹ năm 2007¹). Cùng với quá trình tăng trưởng là thành tích giảm nghèo rất thuyết phục, từ 59% năm 1993 xuống còn 29% năm 2002 và xuống dưới 20% vào những năm 2004 đến nay². An sinh xã hội là một cụm từ được nhắc tới khá nhiều trong những văn bản và phát ngôn của Chính phủ thời gian gần đây. Ở Việt Nam hiện nay, thuật ngữ an sinh xã hội được hiểu là hệ thống bảo hiểm xã hội (do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam – một cơ quan của Nhà nước Việt Nam quản lí) và những chính sách bảo trợ xã hội cho những nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội như: Người nghèo, người già, trẻ em có hoàn cảnh đặc

biệt, người khuyết tật, các nạn nhân của chất độc da cam...

Do khái niệm an sinh xã hội còn chưa được nhận thức một cách thật đầy đủ nên việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội còn thiếu tính tổng thể và chưa có mối liên hệ chắc chắn giữa ba yếu tố cơ bản của một nền an sinh xã hội hiện đại: Luật pháp, chính sách và các chương trình của Nhà nước nhằm đảm bảo cho mọi người dân trong xã hội đều có cuộc sống ngày càng thoải mái và dễ chịu hơn.

Một cách khái quát, an sinh xã hội ở Việt Nam đang bộc lộ những vấn đề sau:

- An sinh xã hội Việt Nam còn thiếu tầm nhìn tổng thể: Hiện nay, Việt Nam chưa thống nhất về khái niệm, vai trò, đối tượng và nhiệm vụ của an sinh xã hội. Các thành tố của an sinh xã hội là: Luật pháp – chính sách và chương trình can thiệp chưa tạo được mối liên kết và thống nhất cần thiết; Có sự nhận thức khác nhau của các cơ quan và tổ chức được giao thực hiện các chính sách xã hội; Chưa có sự thống nhất trong các văn bản luật pháp, chính sách và chương trình thực hiện để từ đó tạo ra một hệ thống can thiệp có hiệu quả. Mặt khác, các cơ quan và tổ chức đang thực thi an sinh xã hội cũng chưa xác định rõ chiến lược của các chương trình can thiệp dẫn tới hệ quả là đầu tư nguồn lực một cách đều khắp trên nhiều đối tượng trong cùng một thời gian. Điều này làm giảm hiệu quả từ nguồn lực chung trong việc tác động tới những đối tượng cụ thể trong xã hội.

- Việc triển khai các chính sách an sinh xã hội còn chưa thống nhất: Hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam hiện nay do hai cơ quan chính là Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lí. Những chương trình trọng điểm của Chính phủ dành cho các đối tượng dễ bị tổn thương còn có sự tham gia của nhiều bộ, ngành khác. Điều này đã tạo ra sự thiếu thống nhất về quản lí cũng như thiếu đồng bộ trong việc thực thi. Ví dụ, lãi suất từ tín dụng dành cho người nghèo thường khác nhau ở cùng một địa phương nếu như do các tổ chức, cơ quan khác nhau quản lí (thường dao động từ 0%-5%). Việc điều phối nguồn lực quốc gia dành cho an sinh xã hội thiếu thống nhất đã làm giảm đáng kể hiệu quả từ nguồn lực này.

- Những nhóm dễ bị tổn thương nhất trong xã hội lại là những người ít được hưởng lợi từ các

¹ Báo cáo phát triển của Chính phủ Việt Nam, 2009.

² An sinh xã hội ở Việt Nam lữ tiến tới mức nào.

chương trình an sinh xã hội: Thiếu cái nhìn tổng thể về an sinh xã hội đã dẫn tới hậu quả là việc thiết kế các dịch vụ xã hội chưa hợp lí. Ví dụ, những trẻ em trong gia đình nghèo sẽ rất khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục bởi vì những khoản chi phí của gia đình cho các dịch vụ này luôn chiếm tới 16% tổng thu nhập của gia đình họ. Trong khi đó, việc được nhận trợ cấp an sinh xã hội của trẻ em trong các gia đình nghèo chiếm tỉ lệ khá ít do những thủ tục hành chính phức tạp đã làm cho các em khó khăn hơn trong việc học. Chi trả về phúc lợi xã hội chỉ tăng 6% mức nhập học của trẻ em nhưng có tới 18% trẻ em nghèo bỏ học ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.

Nhận thức được những hạn chế này, Chính phủ Việt Nam đã xác định mục tiêu của an sinh xã hội là: *Xây dựng một hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đa tầng, linh hoạt, bền vững, có thể hỗ trợ lẫn nhau, công bằng về trách nhiệm và lợi ích, chia sẻ rủi ro, hướng tới bao phủ toàn dân, tập trung hỗ trợ cho những người nghèo, hộ nghèo, những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và tiếp cận với thông lệ quốc tế*³.

2. Nhu cầu phát triển nghề CTXH ở Việt Nam

Việt Nam hiện nay đang trải qua một giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh và cũng kéo theo những hệ lụy không mong muốn: sự phân cực giàu nghèo diễn ra một cách nhanh chóng; vấn đề về di dân, việc làm, thất nghiệp đã và đang là những vấn đề nóng của toàn xã hội. Tỉ lệ đói nghèo tuy đã giảm mạnh nhưng số còn lại rất khó có thể giảm như mong muốn trong một vài năm tới. Những vấn đề xã hội như mại dâm, nghiện ma túy, tội phạm đang có những diễn biến hết sức phức tạp và khó kiểm soát. Môi trường tự nhiên đang bị con người hủy hoại và tàn phá nặng nề. Đạo đức xã hội chưa theo kịp với những đòi hỏi của một quốc gia đang phát triển. Đứng trước tình hình đó, việc xây dựng một nền an sinh xã hội đáp ứng được nhu cầu của xã hội là một thách thức không nhỏ đối với Chính phủ và xã hội Việt Nam.

Trong xã hội hiện đại, nghề CTXH là một nghề không thể thiếu trong hệ thống an sinh xã hội. Những kiến thức, kĩ năng và giá trị của nghề CTXH đã góp phần làm cho hệ thống an sinh xã hội hoạt động hiệu quả, đúng đắn và thiết thực hơn. Ở Việt Nam, những nghiên cứu mới đây chỉ ra rằng có tới

hơn một nửa trong số 20.000 cán bộ làm việc tại các tổ chức an sinh xã hội chưa có kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp phù hợp với công việc. Những cán bộ của ngành Lao động xã hội chủ yếu được đào tạo trên lĩnh vực phúc lợi xã hội và các ngành khác. Chính vì vậy, chất lượng của các dịch vụ xã hội còn rất hạn chế. Nhiều cơ sở bảo trợ xã hội dành cho người già, trẻ em đường phố, trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ có HIV... mới chỉ dừng lại ở mức độ chăm sóc về mặt thể chất và quản lí đối tượng là chính. Có rất ít dịch vụ như giáo dục, vui chơi, tham vấn hoặc dạy nghề có chất lượng và hiệu quả dành cho các nhóm trẻ này.

Theo Cục Bảo trợ xã hội - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tính đến năm 2008, ở Việt Nam có khoảng gần 8 triệu người cao tuổi, trong đó có khoảng 200.0000 người già cô đơn; 6,7 triệu người khuyết tật trong đó có khoảng 1 triệu người khuyết tật nặng không còn khả năng tự phục vụ và lao động; 3 triệu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và khoảng 2,7 triệu hộ nghèo. Trong số các đối tượng xã hội nêu trên có khoảng 1,5 triệu người thuộc diện khó khăn cần trợ cấp xã hội chiếm 1,52% dân số; 3006 xã có tỉ lệ nghèo trên 25% và 61 huyện, tỉ lệ nghèo trên 50%; Theo nghiên cứu của trường Đại học Y tế công cộng, hơn 30% dân số Việt Nam có những vấn đề liên quan tới sức khỏe tâm thần. Từ các số liệu trên, có thể ước tính có khoảng 25% dân số Việt Nam cần những dịch vụ xã hội trên tất cả các mặt: giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tinh thần và xã hội.

Những nghiên cứu và dự báo về số lượng nhân viên xã hội mà Việt Nam cần hiện nay cho thấy sự thiếu hụt nguồn nhân lực nghề CTXH là rất lớn. Nếu tính riêng trong ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, trung bình mỗi xã phường cần 1 nhân viên xã hội, mỗi quận huyện cần 2 nhân viên xã hội, mỗi sở (tại các tỉnh thành) cần 2 nhân viên xã hội và mỗi trung tâm cần 4 nhân viên xã hội ở trình độ đại học (hoặc cao đẳng) thì cả nước cần có trên 12.000 nhân viên xã hội. Bên cạnh đó, trong các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, tư pháp, toà án... cũng đã cho thấy sự cần thiết phải có nhân viên xã hội. Ví dụ, lĩnh vực giáo dục, tỉ lệ học sinh, sinh viên tự tử, các hành vi sai lệch như đánh bạn, đánh giáo viên hoặc các hành vi giáo viên bạo hành học sinh... ngày càng gia tăng về số vụ việc và mức độ trầm trọng. Đó là hệ quả của những khó khăn, rối nhiễu trong đời sống tâm lí, tình cảm và xã hội mà không có sự trợ giúp của các nhân viên xã hội hoặc thiếu hụt các dịch vụ xã hội cần thiết.

3. Một số lĩnh vực ưu tiên để phát triển hệ thống đào tạo CTXH

³ Nguồn: Bài viết của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam - Nguyễn Tấn Dũng (tháng 8 năm 2010) : Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020.



- **Lĩnh vực phát triển cộng đồng:** Hiện nay, có tới hơn 70% người dân sống ở khu vực nông thôn. Chính vì vậy, ngày càng có nhiều chương trình của Chính phủ tập trung vào lĩnh vực phát triển cộng đồng. Trên thực tế, nhiều chương trình của Chính phủ đầu tư vào khu vực nông thôn đã tỏ ra kém hiệu quả và một trong những lí do chính là thiếu nguồn nhân lực có kiến thức, kĩ năng về phát triển cộng đồng. Những nghiên cứu sâu về văn hóa cộng đồng để phục vụ công tác này còn rất hạn chế. Hiện nay, chỉ có một trường đại học (Đại học Đà Lạt) tại Việt Nam đặt ưu tiên vào lĩnh vực này. Do đó, đây là lĩnh vực cần ưu tiên để đào tạo CTXH.

- **Lĩnh vực tham vấn tâm lí:** Nhu cầu về lĩnh vực này ngày càng tăng, đặc biệt là khu vực đô thị. Với 30% dân số và hơn 30% trong số đó có những vấn đề về sức khỏe tâm thần đã cho thấy nhu cầu rất lớn trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, trên thực tế, tại Việt Nam, tham vấn tâm lí chưa hình thành và phát triển như một nghề chuyên nghiệp. Có thể nói, đây là một lĩnh vực còn rất mới và nhiều tiềm năng cho sự phát triển.

- **Lĩnh vực làm việc với trẻ em:** Trẻ em Việt Nam hiện chiếm hơn 30% dân số. Việt Nam có khoảng 25 triệu trẻ em (trừ trẻ sơ sinh) luôn cần được sự chăm sóc, giáo dục hàng ngày ở trường cũng như ở nhà; Cả nước có khoảng 3 triệu trẻ khuyết tật, trong đó chỉ có đến 1,3% được tiếp cận với giáo dục. Sự tiếp cận với y tế và xã hội còn hạn chế. Cả nước có khoảng 50.000 trẻ lang thang tập trung tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội; Mỗi năm có khoảng 30.000 phụ nữ dưới 18 tuổi sinh con hoặc phá thai. Có khoảng 300.000 trẻ mồ côi. Mỗi năm, có hơn 10.000 trẻ em làm trái pháp luật bị khởi tố. Hàng ngàn trẻ bị buôn bán và lạm dụng tình dục, đang trở thành mối quan tâm của toàn xã hội. Hàng ngàn trẻ phải chịu sự bạo hành của gia đình và đã để lại những dấu ấn của khủng hoảng tâm lí. Những số liệu trên cho thấy cần phải có một đội ngũ các nhà CTXH được đào tạo chuyên về lĩnh vực làm việc với trẻ em hoặc với trường học. Hiện nay, chỉ có khoa Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đào tạo chuyên ngành này.

4. Những triển vọng và thách thức trong đào tạo nghề CTXH

4.1. Những triển vọng:

Từ năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo nghề CTXH trình độ cử nhân và cao đẳng. Tính đến nay, Việt Nam có khoảng 40 trường Đại học và Cao đẳng đang triển khai đào tạo nghề CTXH với khoảng hơn 3.000 sinh viên tốt nghiệp hàng năm. Trong đề án quốc gia phát triển nghề

CTXH có cả việc đào tạo những người làm CTXH trình độ trung cấp (2 năm đào tạo theo hệ thống giáo dục dạy nghề). Như vậy, việc đào tạo nghề CTXH ở Việt Nam đang mở ra những cơ hội rất lớn tại nhiều cấp bậc đào tạo. Nhu cầu của xã hội và của người học tăng kéo theo nhu cầu về giảng viên cũng ngày càng tăng và đó vừa là triển vọng vừa là thách thức rất lớn trong đào tạo nghề CTXH tại Việt Nam giai đoạn này.

4.2. Một số thách thức trong đào tạo nghề CTXH:

Nhìn nhận một cách nghiêm túc quá trình đào tạo nghề CTXH Việt Nam trong sáu năm qua đã cho thấy những điểm còn tồn tại và cần phải khắc phục sau:

- **Chương trình đào tạo nặng về lí thuyết và xa rời thực tế:** Trong 4 năm học của trình độ đào tạo cử nhân, chỉ có khoảng 330 giờ thực hành có thể thiết kế được. Tuy nhiên, vì nhiều lí do, số giờ thực hành của sinh viên thấp hơn nhiều (dưới 100 giờ) hoặc cá biệt có những trường không tổ chức cho sinh viên đi thực hành mà để sinh viên tự liên hệ. Nhiều trường thiết kế môn học thực hành cho sinh viên dựa trên những môn học có sẵn tại trường. Chính vì vậy, để tăng quyền tự chủ trong việc thiết kế chương trình đào tạo nghề CTXH ở các trường hiện nay (25%) cho phù hợp với tình hình và nhu cầu của từng địa phương, cần từng bước giao cho các nhà trường chủ động trong việc thiết kế nội dung đào tạo. Mặt khác, các trường có đào tạo nghề CTXH cần phải tuyển được những người thật sự am hiểu về nghề CTXH tham gia soạn thảo chương trình đào tạo.

- **Giảng viên CTXH còn thiếu và yếu:** Nhiều giảng viên CTXH chưa được đào tạo từ ngành CTXH, họ được đào tạo từ các lĩnh vực lân cận (Tâm lí học, Giáo dục học, Xã hội học, Luật, Lịch sử...). Vì vậy, kiến thức, kĩ năng và thực tế về nghề CTXH còn thiếu. Họ rất cần được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng giảng viên CTXH để bù đắp những thiếu hụt này. Phần lớn trong số họ chưa từng tham gia những công việc thực tế của ngành CTXH. Vì vậy, việc hướng dẫn thực hành còn nhiều hạn chế. Mặt khác, do sự phân biệt khá rõ ràng về mức lương của giảng viên trong hệ thống đào tạo giữa giảng viên thực hành và giảng viên lí thuyết đã không khuyến khích họ làm giảng viên thực hành. Điều này gây ra một thực tế đáng lo ngại là phần lớn trong số những giảng viên hiện tại đều không muốn làm giảng viên thực hành. Theo chúng tôi, đã tới lúc chúng ta cần nhìn nhận vấn đề này một cách đúng đắn và khoa học. Thực tế là giảng viên thực hành

cần phải giỏi thực hành và hiểu biết căn kē về lí thuyết. Chỉ khi đáp ứng được yêu cầu này thì giảng viên thực hành mới có thể hướng dẫn một cách đầy đủ và sâu sắc cho sinh viên. Ví dụ, khi thực hành với cộng đồng, nếu giảng viên thực hành chưa tham gia một chương trình phát triển cộng đồng thì sẽ rất khó trong việc hướng dẫn sinh viên làm gì, làm như thế nào để thực hiện một chương trình phát triển cộng đồng thành công.

Hơn nữa, trong thực tế, giảng viên thực hành phải hướng dẫn cho quá nhiều sinh viên (1 giảng viên hướng dẫn 25-30 sinh viên), điều này làm giảm hiệu quả của công tác thực hành.

- **Thiếu giáo trình và tài liệu:** Nhiều môn học hiện nay chưa có giáo trình và tài liệu được chuẩn bị tốt, điều này dẫn tới chất lượng đào tạo còn rất hạn chế. Việc biên soạn giáo trình và dịch tài liệu là hết sức cần thiết để phục vụ đào tạo, giúp cho sinh viên có được nguồn tài liệu học tập và tham khảo tốt hơn.

- **Thiếu cơ sở thực hành và kiểm huấn viên:** Vấn đề cơ sở thực hành rất nan giải trong bối cảnh đào tạo nghề CTXH hiện nay. Những cơ sở thực hành được các trường lựa chọn là: các trung tâm bảo trợ xã hội của Nhà nước; Các trung tâm, mái ấm, nhà mở do tư nhân quản lí; Các chương trình, dự án và cộng đồng tại các địa phương. Tuy nhiên, cách làm của các trung tâm, chương trình, dự án hiện nay cũng có sự khác biệt lớn về cách thức tiến hành và áp dụng cách làm của nghề CTXH. Chỉ có một số rất nhỏ các trường hiện nay có trung tâm thực hành riêng. Những trung tâm này đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của sinh viên do họ có thể cung cấp một số dịch vụ xã hội cho một số đối tượng: người già, trẻ em, người có HIV, bệnh nhân...Tuy nhiên, số lượng cũng rất ít, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc đa dạng của học viên sau này.

Trong tương lai, cần cải thiện cách thức quản lí và làm việc tại hệ thống dịch vụ nhà nước để đảm bảo cung cấp các dịch vụ một cách chuyên nghiệp là cách thức tốt nhất tạo ra các cơ sở thực hành cho sinh viên nghề CTXH.

5. Nhu cầu đào tạo sau đại học ngành CTXH

Nhu cầu đào tạo sau đại học ngành CTXH rất cấp bách ở các trường đại học và cao đẳng. Yêu cầu về đào tạo bậc cử nhân ngành học CTXH ít nhất cần phải có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ về CTXH. Bên cạnh đó, những người đào tạo còn có nhiệm vụ rất quan trọng do đặc thù của ngành học là khả năng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các học thuyết CTXH vào việc giải quyết vấn đề thực tế của cá nhân, nhóm và của cộng đồng. Đây là

một đòi hỏi mà các trường rất khó thực hiện được trong thời gian đầu. Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công việc, tất cả những giảng viên này đều mong muốn theo học các khóa đào tạo sau đại học chuyên ngành CTXH. Nếu mỗi khoa, của các trường này cần đào tạo tối thiểu 5 người trình độ thạc sĩ CTXH thì nhu cầu đã là khoảng 200 người. Đó là chưa kể hàng năm có khoảng hơn 1000 sinh viên chính quy và 1500 sinh viên hệ vừa học vừa làm tốt nghiệp ngành CTXH. Trong số họ, có nhiều người mong muốn được học tập tiếp ở trình độ sau đại học để phát triển nghề nghiệp cho bản thân. Hiện nay, ở Việt Nam có hơn 500 tổ chức phi chính phủ quốc tế và hơn 100 tổ chức phi chính phủ trong nước đang có những hoạt động liên quan đến CTXH. Những nhân viên của các tổ chức này cũng có nhu cầu cao về học tập chuyên ngành CTXH trình độ sau đại học.

Một lực lượng khác là những sinh viên tốt nghiệp ngành tâm lí học, xã hội học, ngoại ngữ và những ngành khoa học xã hội khác cũng có nhu cầu học sau đại học ngành CTXH. Như vậy, nhu cầu học sau đại học ngành CTXH tại Việt Nam hiện nay là khá lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh đào tạo của nước ta hiện nay, nhu cầu này đang là một thách thức lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Colin MacMullin, *Chương trình giải quyết vấn đề xã hội Sheidow Part*, 1992.
2. United Nation, *Volunteers in VietNam*, 2001.
3. Williams J., *50 facts that should change the world*, 2006.
4. Korten D., *Bước vào thế kỉ XXI, hành động tự nguyện và chương trình nghị sự toàn cầu*, 1996.
5. University of Harvard, John F. Kenedy School of Government, *Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam*, 2007.
6. *Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 – 2010*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NXB Lao động – xã hội, 2006;
7. *An sinh xã hội Việt Nam lữ tiến tới mức nào*.
8. *Chương trình khung đào tạo công tác xã hội (trình độ Cử nhân và Cao đẳng)*, 2004.

SUMMARY

The article addresses the development of social works in Vietnam. The author presents 1/ issues of social security in Vietnam, 2/ needs for social works, 3/ priorities for development of social works training, 4/ prospects and challenges in training and 5/ demands for social works study.